TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-08-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký.

2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Kế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trương Hữu L - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Trương Hữu S - Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Bà Nguyễn Thị S - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và những người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Hữu L tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 03/02/2017, tại UBND xã Xuân Quỳ (nay là xã Hóa Quỳ), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn; Vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh L hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần chửi bới đánh đập vợ con.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Trương Hữu T, sinh ngày 04/11/2018. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, anh Trương Hữu L Trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn với nhau vào ngày 03/02/2017, tại UBND xã Xuân Quỳ (nay là xã Hóa Quỳ), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2020 thì chị H đi làm ăn xa không về chăm lo cuộc sống gia đình; Từ đó đến nay vợ chồng sống trong tình trạng ly thân. Nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Trương Hữu T, sinh ngày 04/11/2018. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh xin được nuôi cháu T và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L đều không có mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai, những người làm chứng là ông Trương Hữu S và bà Nguyễn Thị S (bố mẹ đẻ anh L) trình bày:

Anh L và chị H được ông bà tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Anh chị chung sống với nhau đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và không chung sống với nhau nữa. Mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng chị H bỏ đi làm và không quay về đoàn tụ với anh L.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Xuân Hương, xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa:

Anh Trương Hữu L, chị Nguyễn Thị H cùng cư trú tại thôn Xuân Hương, xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vào năm 2017, anh chị tự nguyện kết

hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L, chị H chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, và tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh chị không đề nghị thôn tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không can thiệp được. Từ tháng 02/2020 đến nay, anh L, chị H sống trong tình trạng ly thân; chị H thường xuyên đi làm xa, thi thoảng mới về nhà.

Anh L, chị H có 01 con chung là cháu Trương Hữu T, sinh ngày 04/11/2018. Hiện nay, cháu T đang ở cùng với bố mẹ và ông bà nội của cháu tại thôn Xuân Hương, xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Điều kiện sinh sống, học tập của cháu ổn định, bình thường, không bị ai hành hạ, ngược đãi gì. Anh L, chị H đều là những người lao động tự do, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có sức khỏe, có khả năng lao động để có thu nhập bảo đảm việc nuôi con. Tuy nhiên, do chị H hay phải đi làm xa, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc cháu T được nên điều kiện nuôi con của anh L là ổn định hơn.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị với anh L. Về việc nuôi con khi ly hôn, trường hợp anh L có nguyện vọng nuôi con, chị thống nhất giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng từ 1.000.000đ, đến 1.500.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 227 và 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt là vi phạm các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H. Về hôn nhân, xử cho chị H được ly hôn anh L; Về con chung, giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng từ 1.000.000đ, đến 1.500.000đ; Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và cùng cư trú tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Như Xuân căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Anh Trương Hữu L là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Hữu L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2017 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế, từ tháng 01/2020 cho đến nay vợ chồng anh chị sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của anh L, phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông S, bà S và kết quả xác minh của Tòa án tại thôn Xuân Hương, xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh L.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có mặt theo thông báo của Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải; Chị H cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều đó thể hiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H là trầm trọng, cả hai anh chị đều không có thiện chí hợp tác giải quyết thuẫn vợ chồng. Đời sống chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh L và chị H trên thực tế đã không còn tồn tại.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị H, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của đương sự; Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của chị H và anh L; Căn cứ vào thái độ không chấp hành pháp luật tố tụng và thái độ không hợp tác giải quyết vụ án của anh L; Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống. Việc yêu cầu Ly hôn của chị H là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị H được ly hôn anh L.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Trương Hữu T, sinh ngày 04/11/2018. Xét nguyện vọng của chị H và anh L về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với thực tế, cũng như tình cảm của cha mẹ dành cho con cái. Tuy nhiên, hiện tại chị H thường xuyên phải đi làm ăn xa, cháu T vẫn đang sinh sống cùng với anh L và ông bà nội, anh L có điều kiện nuôi con ổn định hơn. Căn cứ vào

điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, việc giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật; Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, thu nhập của lao động phổ thông ở thời điểm hiện tại và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, quyết định số tiền cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là 1.000.000đ/tháng; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022, cho đến khi cháu T thành niên.

[4] *Về tài sản:* Chị H, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H là nguyên đơn, đồng thời cũng là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trương Hữu L.

Về con chung: Công nhận cháu Trương Hữu T, sinh ngày 04/11/2018 là con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Trương Hữu L. Giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; Chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022, cho đến khi cháu T thành niên. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng; Tổng cộng là 600.000 đồng; Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0008171 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân; Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Như Xuân;
- UBND xã Hóa Quỳ, H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh